

Bản án số:19/2023/HS-ST  
Ngày 10/11/2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HD, TỈNH QN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Trần Văn Một.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đức Huỳnh.
2. Bà Lê Thị Chính.

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Huỳnh Thanh Quý - Thư ký Toà án nhân dân huyện HD, tỉnh QN.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HD, tỉnh QN tham gia phiên toà:***  
Bà Bùi Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện HD, tỉnh QN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2023/HSST ngày 05 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: S- Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Cu khờ; sinh năm: 1960, tại thị xã Điện Bàn, tỉnh QN; Nơi cư trú: Không có nơi đăng ký thường trú; hiện tạm trú tại: Kiệt 25, đường Lý Tự Trọng, thị trấn HL, huyện TB, tỉnh QN; Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 01/12; con ông Nguyễn Xuân H và bà Lê Thị L (đều đã chết); gia đình có 11 anh chị em, bị cáo là con thứ 6; chưa có vợ con.

Tiền sự: không.

Tiền án:

+ Năm 1986, bị Tòa án nhân dân huyện NTh, tỉnh QN xử phạt 18 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản công dân*”;

+ Năm 1988, bị Tòa án nhân dân tỉnh QN – ĐN (cũ) xử phạt 10 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản công dân*” và “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”;

+ Năm 1997, bị Tòa án nhân dân tỉnh QN xử phạt 02 năm về tội “*Trộm cắp tài sản công dân*”. Năm 1998, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại ĐN xử phạt 03 năm tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, tổng hợp hình phạt buộc S chấp hành 02 bản án là 05 năm tù.

- + Năm 2002, bị Tòa án nhân dân tỉnh QN xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”;
- + Năm 2006, bị Tòa án nhân dân quận ThK, thành phố ĐN xử phạt 24 tháng tù về tội “Đánh bạc”;
- + Năm 2009, bị Tòa án nhân dân huyện HV, thành phố ĐN xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”;
- + Năm 2011, bị Tòa án nhân dân thành phố HA, tỉnh QN xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”;
- + Năm 2016, bị Tòa án nhân dân thị xã ĐB, tỉnh QN xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”;
- + Năm 2020, bị Tòa án nhân dân huyện HVang, thành phố ĐN xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 01/7/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện HĐ, tỉnh QN: Có mặt.

1. Người bị hại: Ông Nguyễn Văn H – Sinh năm 1982. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn Việt An, xã Bình Lâm, huyện HĐ, tỉnh QN.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Võ Thị B- Sinh năm: 1959. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn Th- Sinh năm: 1960. Vắng mặt.

Cùng trú tại: thôn Phú Cốc Đông, xã QT, huyện HĐ, tỉnh QN.

3. Người làm chứng: Ông Đoàn Ngọc Th- Sinh năm: 1989. Vắng mặt.

Trú tại: thôn Vinh Huy, xã BT, huyện TB, tỉnh QN.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 01/7/2023, do có ý định trộm cắp xe mô tô để làm phương tiện đi lại, S đi xe buýt đến khu vực chợ Việt An thuộc thôn VA, xã B L, huyện HĐ, tỉnh QN tìm xe mô tô sơ hở để trộm cắp. S chuẩn bị một bộ đoạn bằng kim loại hình trụ tròn, có dạng chữ L dài 12 cm, phần đoạn hình lục giác chiều dài 02 cm làm công cụ để phá khóa xe mô tô. Khi đến khu vực chợ VA, S đi thẳng vào Nhà giữ xe, không thấy người trông coi và phát hiện có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 92K1-028.49, S tiến lại gần rồi dùng tay lấy trong túi quần ra một bộ đoạn phá khóa, S dùng đầu đoạn cắm vào ổ khóa xe rồi dùng tay vặn mạnh bộ đoạn nhằm bẻ khóa thì đầu đoạn bị gãy và mắc kẹt trong ổ khóa. Lúc này, anh Đoàn Ngọc Th, sinh năm 1989, trú thôn Vinh Huy, xã BT, huyện TB, tỉnh QN là nhân viên giữ xe tại nhà giữ xe chợ VA phát hiện và một số người dân truy hô bắt giữ. Sau đó Công an xã BL đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Qua trình điều tra, S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá số 07/KL-HĐĐG ngày 03/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện HĐ kết luận: giá trị của một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius Yamaha màu đỏ đen, biển kiểm soát 92K1-028.49 là: 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng y).

Tại bản cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 05/10/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ, tỉnh QN đã truy tố bị cáo S về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo S phạm tội: Trộm cắp tài sản; áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm h, s khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo S từ 24 đến 30 tháng tù.

Về dân sự: Cơ quan CSĐT Công an huyện HĐ đã trả lại chiếc xe mô tô BKS 92K1-028.49 và Giấy đăng ký xe mô tô cho ông Nguyễn Văn Th là chủ sở hữu nên đề nghị HĐXX không xét.

Về vật chứng vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Tịch thu tiêu hủy 01 bộ đoản bằng kim loại, có hình chữ L, chiều dài 12 cm, phần đoản có chiều dài 02 cm, đường kính 0.9 cm; 01 mảnh kim loại dạng dẹp, có dấu vết đứt gãy 01 đầu, đầu còn lại nhọn, có chiều dài 1.5 cm; 01 chìa khóa dạng dẹp, tay cầm bằng nhựa màu đen; 01 phiếu giữ xe số 164 “Hải”; trả lại số tiền 4.550.000 đồng cho S.

Ngoài ra, quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện HĐ còn thu giữ số tiền 2.900.000 đồng, số tiền 1.000đ, 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số “0030707” đứng tên Doãn Bá Th, 01 (một) thẻ căn cước công dân số 049203012544 đứng tên Nguyễn Văn Th, 01 (một) giấy phép lái xe số 490220006089 đứng tên Nguyễn Văn Th, 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế mã số 4921325717 đứng tên Nguyễn Văn Th, 01 (một) ví da màu đen, bên ngoài có chữ “TOMY” khắc chìm, đã qua sử dụng, 01 xe máy màu xám đen, không có biển kiểm soát, số máy 5C61-026517; 04 mảnh nhựa, gồm 02 ốp bảo vệ thân xe và 02 mảnh chắn bùn tháo ra từ xe máy trên; số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) và 01 xe mô tô màu đỏ đen, số máy 5C6K-332620. Cơ quan CSĐT Công an huyện HĐ đã chuyển những vật chứng trên cho Cơ quan CSĐT Công an huyện NT và TB để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa, bị cáo S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại, người làm chứng, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy tại phiên tòa bị hại, người làm chứng và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được triệu tập hợp lệ vắng mặt nhưng lời khai của họ đã được thể hiện tại hồ sơ vụ án, việc vắng mặt những người này không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với những người này.

[2] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Công an huyện HĐ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người bị hại, người quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội:

Khoảng 06 giờ 00' ngày 01/7/2023, do có ý định trộm cắp xe mô tô để làm phương tiện đi lại, S đến khu vực chợ VA, xã BL, huyện HĐ, tỉnh QN dùng một bộ đoạn bằng kim loại hình chữ “L” dài 12 cm phá khóa để trộm cắp một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 92 K1-028.49 của ông Nguyễn Văn Th trị giá 8.000.000 đồng thì bị bắt quả tang. Tại bản án sơ thẩm số 04/2020/HSST ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện HV, thành phố ĐN đã áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt vào ngày 21/4/2023, chưa đủ điều kiện được xóa án tích, như vậy lần phạm tội này bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 05/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ, tỉnh QN truy tố bị cáo và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất vụ án, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện nên cần phải xử phạt thích đáng để giáo dục bị cáo và răn đe chung.

*Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:*

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nhưng bản thân bị cáo là người bị kết án rất nhiều lần về tội: Trộm cắp tài sản và đánh bạc: Năm 1986, bị Tòa án nhân dân huyện NT, tỉnh QN xử phạt 18 tháng tù về

tội “*Trộm cắp tài sản công dân*”; Năm 1988, bị Tòa án nhân dân tỉnh QN – ĐN (cũ) xử phạt 10 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản công dân*” và “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”; Năm 1997, bị Tòa án nhân dân tỉnh QN xử phạt 02 năm về tội “*Trộm cắp tài sản công dân*”. Năm 1998, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại ĐN xử phạt 03 năm tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, tổng hợp hình phạt buộc S chấp hành 02 bản án là 05 năm tù; Năm 2002, bị Tòa án nhân dân tỉnh QN xử phạt 04 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Năm 2006, bị Tòa án nhân dân quận TK, thành phố ĐN xử phạt 24 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”; Năm 2009, bị Tòa án nhân dân huyện HV, thành phố ĐN xử phạt 02 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Năm 2011, bị Tòa án nhân dân thành phố HA, tỉnh QN xử phạt 04 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Năm 2016, bị Tòa án nhân dân thị xã ĐB, tỉnh QN xử phạt 03 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Năm 2020, bị Tòa án nhân dân huyện HV, thành phố ĐN xử phạt 04 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo có nhân thân xấu, tái phạm nhiều lần, điều này thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo, do đó cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo mới tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho người bị hại nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm h, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có tài sản gì. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về dân sự: Cơ quan CSĐT Công an huyện HĐ đã trả lại 01 chiếc xe mô tô BKS 92K1-028.49 và Giấy đăng ký xe mô tô cho ông Nguyễn Văn Thời là chủ sở hữu nên HĐXX không xét.

[8] Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xét tịch thu tiêu hủy 01 bộ đoản bằng kim loại, có hình chữ L, chiều dài 12 cm, phần đoản có chiều dài 02 cm, đường kính 0.9 cm; 01 mảnh kim loại dạng dẹp, có dấu vết đứt gãy 01 đầu, đầu còn lại nhọn, có chiều dài 1.5 cm; 01 chìa khóa dạng dẹp, tay cầm bằng nhựa màu đen; 01 phiếu giữ xe số 164 “Hải”; trả lại số tiền 4.550.000 đồng cho S.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo S 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 01/7/2023.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ đoản bằng kim loại, có hình chữ L, chiều dài 12 cm, phần đoản có chiều dài 02 cm, đường kính 0.9 cm; 01 mảnh kim loại dạng dẹp, có dấu vết đứt gãy 01 đầu, đầu còn lại nhọn, có chiều dài 1.5 cm; 01 chìa khóa dạng dẹp, tay cầm bằng nhựa màu đen; 01 phiếu giữ xe số 164 “Hải”.

*(Vật chứng đang được cơ quan Thi hành án dân sự huyện HĐ quản lý theo biên bản chuyển giao vật chứng ngày 09/10/2023).*

- Trả lại số tiền 4.550.000 đồng (*Bốn triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng*) cho S. Số tiền này đã được nộp vào tài khoản số 3949.0.1053906.00000 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ mở tại Kho bạc Nhà nước HĐ.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Xử buộc bị cáo S phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng y*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/11/2023). Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh QN;
- VKSND tỉnh QN;
- Sở Tư pháp tỉnh QN;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh QN (PV06);
- VKSND huyện HĐ;
- Chi cục THADS huyện HĐ;
- Cơ quan điều tra Công an huyện HĐ;
- Văn phòng Công an huyện HĐ;
- Bị cáo, người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

***Trần Văn Một***